

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Hồng Sơn	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Tuyển	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên
Ông Đoàn Duy Thái	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Ôtô 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Anh Toàn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Số: 150321.030/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		63.481.748.505	58.929.266.143
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.893.542.230	32.429.920.460
111	1. Tiền		38.893.542.230	32.429.920.460
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.600.000.000	22.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.600.000.000	22.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.370.099.060	3.340.603.346
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	873.873.400	558.599.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	150.660.125	2.041.301.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	345.565.535	740.702.546
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		618.107.215	558.742.337
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	377.554.494	558.742.337
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	240.552.721	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		66.066.643.325	70.918.313.358
220	II. Tài sản cố định		65.234.608.659	69.625.400.146
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	64.558.610.609	69.185.725.168
222	- Nguyên giá		177.729.818.227	173.294.356.716
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(113.171.207.618)	(104.108.631.548)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	675.998.050	439.674.978
228	- Nguyên giá		2.917.853.682	2.309.888.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.241.855.632)	(1.870.213.704)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	832.034.666	1.292.913.212
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		832.034.666	1.292.913.212
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		129.548.391.830	129.847.579.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.529.337.327	15.755.490.739
310	I. Nợ ngắn hạn		14.529.337.327	15.755.490.739
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.165.617.317	3.603.648.683
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.925.200	20.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	314.675.087	1.577.465.436
314	4. Phải trả người lao động		7.021.709.011	8.527.912.655
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	462.470.914	536.019.088
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	488.093.744	467.755.150
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.068.846.054	1.042.669.727
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		115.019.054.503	114.092.088.762
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	115.019.054.503	114.092.088.762
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	6.380.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.623.425.129	12.696.459.388
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.746.706.010	230.391.965
421b	LNST chưa phân phối năm nay		10.876.719.119	12.466.067.423
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		129.548.391.830	129.847.579.501

Loan

Vũ Thị Loan
 Người lập

Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	122.816.216.977	146.533.878.037
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		122.816.216.977	146.533.878.037
11	4. Giá vốn hàng bán	19	100.432.879.810	119.695.488.226
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.383.337.167	26.838.389.811
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.585.233.631	1.558.601.351
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	8.085.087.574	9.593.249.192
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.883.483.224	18.803.741.970
31	11. Thu nhập khác	22	4.033.338	323.648.976
32	12. Chi phí khác	23	-	115.548.121
40	13. Lợi nhuận khác		4.033.338	208.100.855
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.887.516.562	19.011.842.825
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Công ty		3.056.000.000	3.056.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		12.831.516.562	15.955.842.825
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	1.954.797.443	3.489.775.402
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.876.719.119	12.466.067.423
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.145	1.312

(Signature)

(Signature)



Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.887.516.562	19.011.842.825
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.875.915.698	12.957.818.399
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.585.233.631)	(1.875.219.534)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	294.238.182
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.178.198.629	30.388.679.872
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.654.951.565	(2.022.226.465)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.139.314.502)	(3.579.989.609)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		181.187.843	(17.927.004)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.038.968.180)	(2.930.977.728)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.323.577.051)	(2.968.291.611)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.512.478.304	18.869.267.455
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.024.245.665)	(8.990.867.457)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	316.618.183
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.660.233.631	1.555.168.473
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.364.012.034)	(7.119.080.801)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.684.844.500)	(7.512.590.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.684.844.500)	(7.512.590.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.463.621.770	4.237.596.154
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.429.920.460	28.192.324.306
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	38.893.542.230	32.429.920.460



Vũ Thị Loan
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 393 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 394 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, do ảnh hưởng bởi diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động thương mại, vận tải và dịch vụ dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm
- Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành. Thời hạn hợp đồng được gia hạn đến 31/12/2024.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trường hợp Công ty huy động xe của các đơn vị không phải là doanh nghiệp vận tải kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ để phục vụ cho việc hỗ trợ, giải quyết nhu cầu vận tải hành khách lúc cao điểm trong các dịp lễ, Tết... thì Công ty nộp thuế TNDN thay cho các đối tượng đó như trường hợp cơ sở kinh doanh và đơn vị sự nghiệp xác định được đúng doanh thu nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào để xác định được chi phí với mức thuế suất thuế TNDN là 2% trên doanh thu cung cấp dịch vụ.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Trong năm, toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

3 . TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	110.397.000	363.295.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.208.033.150	31.568.222.748
Tiền đang chuyển	575.112.080	498.402.212
	38.893.542.230	32.429.920.460

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất từ 4,8% /năm đến 5,6%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	94.872.000	-	94.782.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu - Chi nhánh Tổng công ty Vận tải	167.857.000	-	151.469.000	-
Công ty CP xe khách Bắc Giang	211.592.000	-	41.201.000	-
Công ty Cổ Phần Quảng Cáo - Truyền Thông Mặt Trời Mới	90.000.000	-	-	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	145.719.000	-	136.107.000	-
Phải thu khách hàng khác	163.833.400	-	135.040.800	-
	873.873.400	-	558.599.800	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	290.926.200	-	274.809.600	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Futech	112.160.125	-	562.890.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	-	-	655.381.000	-
Công ty TNHH Xây dựng VINLIFE số 1	-	-	670.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	38.500.000	-	153.030.000	-
	150.660.125	-	2.041.301.000	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	320.000.000	-	395.000.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	13.958.891	-	10.545.026	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.016.066	-	-	-
Tạm ứng	-	-	294.000.000	-
Phải thu khác	9.590.578	-	41.157.520	-
	345.565.535	-	740.702.546	-

8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	832.034.666	945.489.212
- Dự án bãi đỗ xe tải Phía Nam (1)	635.956.364	635.956.364
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (2)	196.078.302	196.078.302
- Xây dựng mái che công vào Bến xe Mỹ Đình	-	52.181.818
- Hệ thống mái che sân trả khách Bến xe Gia Lâm	-	61.272.728
Mua sắm tài sản cố định	-	347.424.000
- Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành	-	347.424.000
	832.034.666	1.292.913.212

(1): Dự án xây dựng bãi đỗ xe trong phân khu S5 huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 31/12/2020, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bãi đỗ xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2756/UBND-DT ngày 19/06/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu Công ty tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai giai đoạn 1, chấm dứt nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2 của dự án và lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 14/03/2019, Công ty đã gửi công văn số 132/CPBX cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội báo cáo về thông tin, tình hình triển khai và tiến độ thực hiện dự án để xin ý kiến chỉ đạo về dự án này. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được ý kiến chỉ đạo của các cơ quan chức năng liên quan đến dự án này.

(2): Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 31/12/2020, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án và đang lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	153.516.074.054	1.723.247.274	6.385.806.609	11.669.228.779	173.294.356.716
- Mua trong năm	4.036.244.256	-	-	2.119.390.954	6.155.635.210
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	374.100.001	347.424.000	-	-	721.524.001
- Thanh lý, nhượng bán	(11.383.664)	-	-	(2.430.314.036)	(2.441.697.700)
Số dư cuối năm	157.915.034.647	2.070.671.274	6.385.806.609	11.358.305.697	177.729.818.227
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	90.724.585.900	1.512.447.340	3.411.461.630	8.460.136.678	104.108.631.548
- Khấu hao trong năm	8.763.176.379	131.153.456	704.856.839	1.905.087.096	11.504.273.770
- Thanh lý, nhượng bán	(11.383.664)	-	-	(2.430.314.036)	(2.441.697.700)
Số dư cuối năm	99.476.378.615	1.643.600.796	4.116.318.469	7.934.909.738	113.171.207.618
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	62.791.488.154	210.799.934	2.974.344.979	3.209.092.101	69.185.725.168
Tại ngày cuối năm	58.438.656.032	427.070.478	2.269.488.140	3.423.395.959	64.558.610.609

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.240.631.843 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.309.888.682
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	150.000.000
- Mua trong năm	457.965.000
Số dư cuối năm	2.917.853.682
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.870.213.704
- Khấu hao trong năm	371.641.928
Số dư cuối năm	2.241.855.632
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	439.674.978
Tại ngày cuối năm	675.998.050
<i>Trong đó:</i>	
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	1.468.738.182 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	377.554.494	558.742.337
	377.554.494	558.742.337

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG Công ty Cổ phần TPO	857.956.000	857.956.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Nam Thái	612.033.000	612.033.000	-	-
Công ty TNHH xây dựng VINLIFE số 1	599.374.160	599.374.160	193.985.400	193.985.400
Công ty TNHH xây dựng VINLIFE số 1	503.710.000	503.710.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	2.592.544.157	2.592.544.157	3.409.663.283	3.409.663.283
	5.165.617.317	5.165.617.317	3.603.648.683	3.603.648.683
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	-	-	11.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	385.042.743	8.011.726.632	8.131.571.759	-	265.197.616
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.119.672.963	1.954.859.625	3.038.968.180	-	35.564.408
Thuế Thu nhập cá nhân	-	72.749.730	184.482.025	243.318.692	-	13.913.063
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.722.203.148	1.962.755.869	240.552.721	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	1.577.465.436	11.879.271.430	13.382.614.500	240.552.721	314.675.087

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	461.818.187	533.900.906
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	652.727	2.118.182
	<u>462.470.914</u>	<u>536.019.088</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	173.176.600	100.318.300
- Bảo hiểm xã hội	6.184.500	2.825.287
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	89.000.000	54.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	216.489.520	301.334.020
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.243.124	9.277.543
	<u>488.093.744</u>	<u>467.755.150</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	4.180.000.000	12.212.102.791	111.407.732.165
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.466.067.423	12.466.067.423
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.200.000.000	(12.212.102.791)	(10.012.102.791)
Tăng khác	-	-	-	230.391.965	230.391.965
Số dư cuối năm trước	95.000.000.000	15.629.374	6.380.000.000	12.696.459.388	114.092.088.762
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	6.380.000.000	12.696.459.388	114.092.088.762
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.876.719.119	10.876.719.119
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(9.949.753.378)	(9.949.753.378)
Số dư cuối năm nay	95.000.000.000	15.629.374	6.380.000.000	13.623.425.129	115.019.054.503

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 183/NQ/ĐHCD ngày 23 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	12.696.459.388
Trích thưởng cho HĐQT, BKS	0,98%	124.790.625
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17,52%	2.224.962.753
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	59,86%	7.600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	21,63%	2.746.706.010

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,36%	15.538.440.000	16,36%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,59%	15.757.560.000	16,59%	15.757.560.000
	100%	95.000.000.000	100%	95.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>301.334.020</i>	<i>213.924.520</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>7.600.000.000</i>	<i>7.600.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>7.600.000.000</i>	<i>7.600.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(7.684.844.500)</i>	<i>(7.512.590.500)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(7.684.844.500)</i>	<i>(7.512.590.500)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>216.489.520</i>	<i>301.334.020</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	6.380.000.000
	6.380.000.000	6.380.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	462.470.914	536.019.088
	<u>462.470.914</u>	<u>536.019.088</u>

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; Số 9 Ngô Gia Khâm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	101.495.238.290	122.870.745.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	21.320.978.687	23.663.132.339
	<u>122.816.216.977</u>	<u>146.533.878.037</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	<u>5.490.654.536</u>	<u>2.173.784.561</u>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	84.263.804.810	101.510.488.226
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	16.169.075.000	18.185.000.000
	<u>100.432.879.810</u>	<u>119.695.488.226</u>

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.585.233.631	1.558.601.351
	<u>1.585.233.631</u>	<u>1.558.601.351</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.826.115	460.090.882
Chi phí nhân công	5.490.018.016	6.456.836.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.283.021.592	1.320.171.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.524.917	458.510.000
Chi phí khác bằng tiền	671.696.934	897.640.141
	8.085.087.574	9.593.249.192

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	316.618.183
Tiền phạt thu được	2.000.000	7.000.000
Thu nhập khác	2.033.338	30.793
	4.033.338	323.648.976

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	111.612.121
Chi phí khác	-	3.936.000
	-	115.548.121

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.831.516.562	15.955.842.825
Các khoản điều chỉnh tăng	1.131.322.318	1.493.034.183
- Chi phí không hợp lệ	1.131.322.318	1.493.034.183
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.962.838.880	17.448.877.008
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.792.567.776	3.489.775.402
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	57.597.991
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	(837.770.333)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%)	62.182	36.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.119.672.963	503.240.934
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.038.968.180)	(2.930.977.728)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	35.564.408	1.119.672.963

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.876.719.119	12.466.067.423
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.876.719.119	12.466.067.423
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.145	1.312

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.319.855.800	1.882.071.362
Chi phí nhân công	48.802.820.805	57.851.015.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.875.915.698	12.957.818.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.136.260.607	32.349.186.455
Chi phí khác bằng tiền	22.383.114.474	24.248.646.117
	108.517.967.384	129.288.737.418

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.893.542.230	-	32.429.920.460	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.219.438.935	-	1.299.302.346	-
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	62.712.981.165	-	56.329.222.806	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	5.653.711.061	4.071.403.833
	5.653.711.061	4.071.403.833

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.893.542.230	-	-	38.893.542.230
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.219.438.935	-	-	1.219.438.935
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	62.712.981.165	-	-	62.712.981.165
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.429.920.460	-	-	32.429.920.460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.299.302.346	-	-	1.299.302.346
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	56.329.222.806	-	-	56.329.222.806

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.653.711.061	-	-	5.653.711.061
	<u>5.653.711.061</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.653.711.061</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.071.403.833	-	-	4.071.403.833
	<u>4.071.403.833</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.071.403.833</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành xe buýt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu	5.490.654.536	2.173.784.561
Trung tâm Tân Đạt	123.854.542	287.227.997
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	337.661.818	494.137.271
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	236.520.002	538.895.456
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	309.390.904	542.564.357
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	1.380.771.818	1.448.304.539
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	1.549.599.990	1.606.408.182
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	533.849.088	845.600.918
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	911.030.917	1.007.910.921
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	107.975.457	118.669.095
Trung tâm Điều hành xe buýt	-	23.495.455
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	-	1.023.709.090
Mua tài sản, dịch vụ	152.006.192	1.452.215.859
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	-	1.260.112.391
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	-	24.545.457
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	84.376.192	84.376.192
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	67.630.000	83.181.819
Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.056.000.000	3.056.000.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	3.056.000.000	3.056.000.000
Cổ tức đã chia	6.339.395.200	6.339.395.200
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	5.096.320.000	5.096.320.000
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	1.243.075.200	1.243.075.200

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	290.926.200	274.809.600
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	35.919.000	32.666.000
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	9.432.000	9.801.000
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	145.719.000	136.107.000
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	167.857.000	151.469.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	17.037.200	17.398.600
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	94.872.000	94.782.000
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	11.160.000	11.160.000
Phải trả người bán	-	11.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	-	11.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng quản trị		
Ông Bùi Hồng Sơn	62.500.000	-
Ông Nguyễn Huy Quang	-	93.000.000
Ông Vũ Hữu Tuyển	58.800.000	72.500.000
Ông Nguyễn Công Bằng	(*)	(*)
Ông Nguyễn Anh Toàn	(*)	(*)
Ông Phạm Mạnh Hùng	58.275.000	123.750.000
Ông Lưu Thành Nam	-	24.730.000
(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Anh Toàn	313.839.000	389.020.000
Ông Nguyễn Công Bằng	263.584.000	324.460.000

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng**Nguyễn Anh Toàn**
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021